

Số: **493/QĐ-UBND**

Đắk Nông, ngày **09** tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tiểu dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm giống thủy sản thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP, ngày 25/3/2015 của Chính phủ, về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP, ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/NĐ-CP, ngày 31/12/2015 của Chính phủ, về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư 18/2016/TT-BXD, ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng, quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên; vốn vay ADB; Quyết định số 1734/QĐ-BNN-HTQT, ngày 30/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc Phê duyệt Kế hoạch tổng thể Dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên” vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Quyết định số 2316/QĐ-BNN-HTQT ngày 08/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 1261/QĐ-BNN-HTQT, ngày 04/6/2013; Quyết định số 4422/QĐ-BNN-HTQT ngày 15/10/2014 của Bộ Nông



1/2

nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1261/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/6/2013 và 2316/QĐ-BNN-HTQT ngày 08/10/2013; Quyết định số 3168/QĐ-BNN-KH, ngày 28/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 1734/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/7/2013 về việc Phê duyệt Kế hoạch tổng thể Dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên” vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB);

Căn cứ Công văn số 5018/BNN-HTQT ngày 19/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc triển khai các tiểu dự án bổ sung trong danh mục dự phòng, dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên;

Căn cứ Công văn số 419/BNN-KH, ngày 17/01/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1970/QĐ-UBND, ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND, ngày 03/11/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn số 98/XD-TĐ ngày 25/01/2018 của Cục Quản lý xây dựng công trình về việc góp ý hồ sơ TDA Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm giống thủy sản thuộc dự án Hạ tầng nông thôn các tỉnh Tây Nguyên;

Xét Thông báo kết quả thẩm định số 375/SNN-CCTL ngày 05/3/2018, Tờ trình số 42/TTr-SNN ngày 05/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tiểu dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm giống thủy sản thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Công văn số 476/SNN-PPMU, ngày 16/03/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cam kết đảm bảo vốn cho dự án; Công văn số 464/SKH-KTĐN ngày 21/3/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm giống thủy sản thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm giống thủy sản thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) với các nội dung sau:

2/

**1. Tên dự án:** Tiểu dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm giống thủy sản thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

**2. Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.

**3. Tổ chức tư vấn lập dự án:** Công ty cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi 3 (HEC3).

**4. Chủ nhiệm lập dự án:** KS Phạm Văn Trung.

#### **5. Mục tiêu đầu tư xây dựng**

Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của Trung tâm giống thủy sản tỉnh Đắk Nông nhằm bảo đảm mục tiêu: Nuôi lưu giữ, lai tạo và sản xuất giống thủy sản đảm bảo chất lượng, cung cấp giống tốt (giảm thiểu hao hụt trong việc thả giống như trước đây từ 45%-50% xuống còn khoảng 15-20%, với chi phí thấp giảm 30-40% về giá thành so với hiện tại), hạn chế rủi ro, đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nuôi trồng thủy sản nước ngọt trong tỉnh; Tập huấn cho người dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số về kỹ thuật nuôi trồng hiện đại, mang lại hiệu quả sản xuất cao, góp phần cải thiện sinh kế, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

#### **6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng**

##### **6.1. Hạng mục công trình cơ sở hạ tầng**

a) Ao cấp đầu nguồn: Có diện tích 15.205 m<sup>2</sup>, trong đó đã xây dựng 5.265 m<sup>2</sup>, đầu tư xây dựng mới 9.940 m<sup>2</sup>, lấy nước từ kênh chính hồ Đăk Săk, điều tiết và cấp nước cho hệ thống ao nuôi theo yêu cầu.

b) Hệ thống các ao nuôi: Tổng diện tích 40.052 m<sup>2</sup>, trong đó đã xây dựng 10.550 m<sup>2</sup>, đầu tư xây dựng mới 29.502 m<sup>2</sup>.

- Các ao nuôi đã có: Diện tích 10.550m<sup>2</sup>, gồm 09 ao (2 ao có diện tích 710m<sup>2</sup>, 4 ao có diện tích 1.150 m<sup>2</sup> và 3 ao có diện tích 1.510 m<sup>2</sup>) là các ao nuôi phục vụ công tác đào tạo, tập huấn, thực nghiệm, mô hình trình diễn và sản xuất thử nghiệm một số giống thủy sản (Giữ nguyên)

- Các ao làm mới: Diện tích 29.502 m<sup>2</sup>.

+ Ao loại 1: 04 ao, mỗi ao có diện tích 455 m<sup>2</sup> là ao nuôi sản xuất thử nghiệm, khảo nghiệm giống thủy sản (giai đoạn cá bột lên cá hương)

+ Ao loại 2: 07 ao, mỗi ao có diện tích 994 m<sup>2</sup> là ao ương nuôi cá giống từ giai đoạn cá hương lên cá giống cấp 1 các loại.

+ Ao loại 3: 07 ao, mỗi ao có diện tích 1.500 m<sup>2</sup> là ao ương nuôi từ giai đoạn cá giống cấp 1 lên cá giống cấp 2.

+ Ao loại 4: 06 ao, mỗi ao có diện tích 1.704 m<sup>2</sup> là ao nuôi cá bố mẹ, cá ông bà, nuôi lưu giữ cá bản địa đặc hữu, nuôi thương phẩm

c) Hệ thống ao xử lý: Tổng diện tích 8.500 m<sup>2</sup>, gồm: Ao cách ly phòng trị bệnh có diện tích 3.067 m<sup>2</sup>; ao lắng có diện tích 2.647 m<sup>2</sup> và ao xử lý có diện tích 2.786 m<sup>2</sup>.

d) Hệ thống kênh cấp: Tổng cộng dài 1.396,99 m. Gồm :

- Kênh chính: Dài 530,45 m, đã xây dựng 256 m, đầu tư xây dựng mới 274,45 m. Mặt cắt kênh chữ nhật BxH=1x1m, kết cấu Bê tông cốt thép mác 200.

- Kênh cấp nước phụ: 06 tuyến kênh cấp phụ dài 866,54 m, đã xây dựng 02 tuyến cấp phụ dài 237,7 m, đầu tư xây dựng mới 04 tuyến, dài 628,84 m. Mặt cắt kênh chữ nhật b<sub>x</sub>h=0,6x0,6m, kết cấu bê tông cốt thép mác 200.

e) Hệ thống kênh thoát nước: Tổng cộng dài 1.031,1 m. Gồm :

- Kênh thoát nước chính: Dài 615,6 m đã xây dựng 167,9 m, đầu tư xây dựng mới 447,7 m (đào kênh đất mới và gia cố 277,6 m và gia cố kênh đã đào 170,1 m). Mặt cắt hình thang đáy kênh B=1 m, chiều sâu H=3 m, hệ số mái m=1, mái kênh gia bằng bê tông tấm lát mác 200, đáy bê tông đổ tại chỗ mác 200.

- Kênh thoát nước phụ: Xây dựng mới 03 tuyến kênh thoát phụ dài 415,5 m. Mặt cắt hình thang đáy kênh B=1 m, chiều sâu H=2,5 m, hệ số mái m=1, mái kênh gia bằng bê tông tấm lát mác 200, đáy bê tông đổ tại chỗ mác 200.

f) Hệ thống đường giao thông: Tổng cộng dài 3.821 m. Gồm :

- Đường giao thông loại B, nền đường rộng 5 m, mặt đường bê tông rộng 3,5 m, gồm trục giao thông chính vào các đường bao (05 tuyến), chiều dài 1.436 m.

- Đường giao thông loại C, nền đường rộng 3 m, mặt đường bê tông rộng 2 m, gồm 02 tuyến vuông góc với trục đường chính, chiều dài 571 m.

- Đường giao thông loại C, nền đường rộng 3 m, mặt đường cấp phối sỏi đồi gồm 12 tuyến, tổng chiều dài 1.590 m.

- Đường giao thông giữa 02 khu đất ao cũ và mới, nền đường rộng 4 m, mặt đường bê tông rộng 3m, chiều dài 224 m.

g) Công trình bảo vệ, phụ trợ khu ao nuôi: Tường rào cách ly, điện chiếu sáng, chòi gác (03 chòi), thảm cỏ, cây xanh.

h) Nhà làm việc: Nhà 1 tầng, cấp 4, diện tích xây dựng 7,8x35,1= 273,78 m<sup>2</sup>. Gồm 05 phòng làm việc, 01 phòng họp, vệ sinh.

i) Nhà tập huấn cho nông dân và trưng bày sản phẩm: Dự kiến 01 tháng mở một lớp khoảng 1 tuần cho 30-40 người dân đến học tập, thăm quan trình diễn nuôi trồng, xây dựng nhà 1 tầng cấp 4, diện tích xây dựng 7,8x16,5m=128,7 m<sup>2</sup>;

k) Nhà khách nông dân: Nhà khách nông dân phục vụ cho các lớp tập huấn khuyến nông : xây dựng nhà 1 tầng cấp 4, diện tích xây dựng 19,5x26,6 m=252,7 m<sup>2</sup>;

l) Công trình phụ trợ khu văn phòng: Nhà để xe, điện chiếu sáng, hệ thống cấp nước sinh hoạt khu văn phòng, sân thể thao, bồn hoa.

## 6.2. Hạng mục phi công trình

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm có phương án, kế hoạch đảm bảo nguồn nhân lực có đủ trình độ để quản lý, vận hành dự án có hiệu quả.

- Tạo điều kiện để người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số trong huyện Đăk Mil có cơ hội và nhiều lựa chọn để cải thiện đời sống tiến tới làm giàu trên chính mảnh đất quê hương mình, xây dựng cơ sở tập huấn cho nông dân bao gồm phòng tập huấn và “Nhà khách nông dân” để đưa người dân đến với dự án thông qua các lớp tập huấn và vận dụng những kiến thức được học tập từ dự án áp dụng sản xuất tại hộ gia đình hay nhóm hộ gia đình.

- Trong thời gian triển khai dự án và một số năm sau này, người dân đến Trung tâm để tập huấn và làm quen với mô hình nuôi trồng hiện đại được miễn phí học tập (do các giảng viên từ Trung tâm trực tiếp giảng dạy) và miễn phí khi nghỉ tại “nhà khách nông dân”. Đặc biệt, Trung tâm hỗ trợ, cấp con giống ở những lần nuôi đầu để người dân nuôi trồng và sau thời gian nuôi trồng ổn định Trung tâm sẽ cung cấp theo hình thức thương mại.

**7. Địa điểm xây dựng:** Xã Đức Minh, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

**8. Diện tích sử dụng đất:** 16 ha.

**9. Phương án xây dựng** (thiết kế cơ sở)

9.1. Nguồn nước

- Nguồn nước sử dụng cấp cho Trung tâm giống nuôi trồng thủy sản được lấy qua công lấy nước tại K0+450 trên kênh chính của hồ chứa nước Đăk Săk (hồ Buôn Jun). Hồ chứa nước Đăk Săk có diện tích lưu vực 19,0 km<sup>2</sup>, dòng chảy trung bình nhiều năm  $Q_0=0,68\text{m}^3/\text{s}$ ,  $W_0=31,5$  triệu m<sup>3</sup>, dung tích hồ  $W_{hồ} = 9$  triệu m<sup>3</sup>, chất lượng nước phù hợp với điều kiện nuôi cá nước ngọt. Hiện nay Trung tâm đang sử dụng nguồn nước này để nuôi cá giống, cá phát triển rất tốt.

- Lượng nước cấp cho nuôi trồng thủy sản, sau khi thay nước từ ao ra sẽ được xử lý và trả về suối để cấp nước tưới cho đất nông nghiệp phía hạ du.

9.2. Khu vực ao nuôi

9.2. 1. San nền

a) Hiện trạng

- Khu vực vãn phòng đã được san nền cốt nền từ +730,00 m dốc ra đường chính. Khu đất dự kiến bố trí ao nuôi dốc, dốc từ ao cấp nguồn cao độ +730,00 m theo hướng Tây Bắc - Đông Nam đổ ra suối tự nhiên +723,5 m.

- Hiện trạng các ao cấp nước, kênh cấp, kênh thoát hoạt động bình thường, các ao có hiện tượng thấm mất nước ra kênh thoát.

b) Giải pháp san nền

- Cao độ cốt đáy ao cấp nguồn mở rộng, bằng cao độ ao cấp nguồn đã có +729,50 m.

- Cao độ cốt đáy ao xử lý nước thải lựa chọn đảm bảo có thể thoát nước tự chảy từ điểm cuối của kênh thoát ra (Thấp hơn đáy kênh thoát -0,5 m).

- Cao độ cốt đáy các ao nuôi lựa chọn cân bằng đào ao và đắp bờ.

- Tính toán cân bằng đào đắp toàn bộ khu vực.

- Khi san nền tập trung và vận chuyển đá tảng, đá lán tập trung về bãi thải bố trí tại khu vực cuối cùng - khu vực trũng thấp của Trung tâm giống (Sau khi tập kết đá về bãi thải cần đổ đất màu lên trên để tận dụng đất trồng cỏ và cây xanh).

- Cây ăn quả và thảm cỏ bố trí xen kẽ để điều hòa khí hậu, thân thiện môi trường.

9.2.2. Ao nuôi: Có diện tích 40.052 m<sup>2</sup>, trong đó đã xây dựng 10.550 m<sup>2</sup>, đầu tư xây dựng mới 29.502 m<sup>2</sup>.

a) Các ao đã có: Gồm 09 ao (2 ao có diện tích 710 m<sup>2</sup>, 4 ao có diện tích 1.150 m<sup>2</sup> và 3 ao có diện tích 1.510 m<sup>2</sup> = 10.550 m<sup>2</sup>) là các ao nuôi phục vụ công tác đào tạo, tập huấn, thực nghiệm, mô hình trình diễn và sản xuất thử nghiệm một số giống thủy sản (Giữ nguyên).

b) Ao mới làm: Diện tích 29.502 m<sup>2</sup>, gồm:

- Xây dựng 04 ao nuôi sản xuất thử nghiệm, khảo nghiệm giống thủy sản (giai đoạn cá bột lên cá hương) có diện tích 455 m<sup>2</sup> (tổng diện tích 4 ao là 1.820m<sup>2</sup>). Gia cố thành bằng bê tông tấm lát M200, đáy không gia cố, chỉ lu lèn lớp đất chống thấm dày 30 cm với hệ số thấm  $k = 2,26 \times 10^{-6}$  cm/s và độ bền lớp dày 20 cm, ao thiết kế đảm bảo giữ nước để phục vụ nuôi trồng thủy sản, độ sâu nước trong ao  $H_{max} = 1,5$  m.

- Các ao có diện tích 994 m<sup>2</sup> là ao ương nuôi cá giống từ giai đoạn cá hương lên cá giống cấp 1 các loại (tổng diện tích 7ao là 6.958 m<sup>2</sup>). Gia cố thành ao bê tông tấm lát M200, đáy không gia cố, chỉ lu lèn lớp đất chống thấm dày 30 cm với hệ số thấm  $k = 2,26 \times 10^{-6}$  cm/s và độ bền lớp dày 20 cm, ao thiết kế đảm bảo giữ nước để phục vụ nuôi trồng thủy sản, độ sâu nước trong ao  $H_{max} = 1,5$  m.

- Các ao có diện tích 1.500 m<sup>2</sup> là ao ương nuôi từ giai đoạn cá giống cấp 1 lên cá giống cấp 2 (tổng diện tích 7 ao là 10.500 m<sup>2</sup>). Gia cố thành ao bê tông tấm lát M200, đáy không gia cố, chỉ lu lèn lớp đất chống thấm dày 30 cm với hệ số thấm  $k = 2,26 \times 10^{-6}$  cm/s và độ bền lớp dày 20 cm, ao thiết kế đảm bảo giữ nước để phục vụ nuôi trồng thủy sản, độ sâu nước trong ao  $H_{max} = 1,5$  m.

- Các ao có diện tích 1704 m<sup>2</sup> là ao nuôi cá bố mẹ, cá ông bà, nuôi lưu giữ cá bản địa đặc hữu, nuôi thương phẩm (tổng diện tích 6 ao là 10.224 m<sup>2</sup>). Gia cố thành ao bê tông tấm lát mác 200 và đáy bê tông mác 200 đổ tại chỗ thành từng tấm 3m x 3m, dày 10 cm, ao thiết kế đảm bảo giữ nước để phục vụ nuôi trồng thủy sản, độ sâu nước trong ao  $H_{max} = 1,8$  m.

- Cổng lấy vào D300, tháo ra D400, có hệ thống lưới chắn cá, chắn rác ở cửa cổng lấy nước, cổng xả khi cấp và xả nước. Tại các cổng bố trí bậc lên xuống để vận hành và tiêu năng chống xói.

9.2.3. Hệ kênh cấp nước: Tổng cộng dài 1.396,99 m, gồm:

a) Kênh cấp chính

- Kênh chính dài 503,45 m, đã xây dựng 256,0 m, đầu tư xây dựng mới 247,45 m, đoạn kênh đã xây dựng mặt cắt chữ nhật  $B \times H = 1 \text{ m} \times 1 \text{ m}$ . Tuyến kênh còn lại ngắn (247,45m), để đồng bộ và chủ động cấp nước khi cần, đoạn kênh

chính còn lại vẫn giữ nguyên mặt cắt chữ nhật  $B \times H = 1 \text{ m} \times 1 \text{ m}$ , như đoạn đầu. Kết cấu bê tông cốt thép mác 200, dày 12 cm, nguyên đơn 10 m bố trí 04 thanh giằng  $10 \text{ cm} \times 15 \text{ cm}$ .

#### b) Kênh cấp nhánh

- Hệ thống kênh cấp dưới gồm 06 tuyến kênh, dài 866,54 m, đã xây dựng 02 tuyến cấp phụ dài 237,7 m, đầu tư xây dựng mới 04 tuyến, dài 628,84 m, các kênh cấp phụ đã xây dựng có mặt cắt chữ nhật  $B \times H = 0,6 \text{ m} \times 0,6 \text{ m}$ , bê tông cốt thép mác 200; Các tuyến kênh đều ngắn (134,1 m), để thuận tiện cho quản lý và chủ động cấp nước khi cần các kênh cấp phụ còn lại cũng chọn cùng một loại mặt cắt  $B \times H = 0,6 \text{ m} \times 0,6 \text{ m}$ , bê tông cốt thép mác 200, dày 12 cm, nguyên đơn 10 m bố trí 4 thanh giằng  $10 \text{ cm} \times 10 \text{ cm}$ .

#### 9.2.4. Hệ kênh thoát nước: Tổng cộng dài 1.031,1 m, gồm:

Nước từ các ao giống, ao nuôi tháo ra các cống thoát vào kênh thoát. Kênh thoát dẫn về phía các ao xử lý nước thải. Hệ thống gồm kênh thoát chính và các kênh thoát phụ, cụ thể:

- Kênh chính: Kênh thoát chính dài 615,6 m, đã xây dựng 167,9 m, đầu tư xây dựng mới 447,7 m (đào kênh đất mới và gia cố 277,6 m và gia cố kênh đã đào 170,1 m). Chiều sâu kênh 3m đảm bảo thoát nước từ ao và các kênh thoát phụ. Để chống xói, bảo đảm ổn định lâu dài, đoạn kênh thoát chính mới đầu tư được gia cố mái bằng bê tông tấm lát mác 200, đáy bê tông mác 200 đổ tại chỗ.

- Kênh thoát nước phụ: Xây dựng mới 03 tuyến kênh thoát phụ, dài 415,5 m, đáy kênh thấp hơn đáy ao 50 cm và cao hơn kênh thoát chính 50 cm để tập trung nước thải từ ao về kênh thoát chính. Mặt cắt kênh thoát phụ hình thang đáy kênh 1m, sâu 3m, hệ số mái = 1, để chống xói, bảo đảm ổn định lâu dài, đoạn kênh cần được gia cố mái bằng bê tông tấm lát mác 200, đáy bê tông đổ tại chỗ mác 200.

#### 9.2.5. Giao thông

##### a) Bố trí:

- Giao thông bên ngoài khu vực: Đã có đường nhựa nối Trung tâm giống thủy sản với đường tỉnh lộ 683.

- Giao thông trong các khu vực trại giống, văn phòng sử dụng đường nội bộ và sân.

##### b) Giải pháp thiết kế:

- Các đường nội bộ trong khu văn phòng và sản xuất giống:

+ Chiều rộng mặt đường chính 5m.

+ Chiều rộng đường phụ là 3m.

+ Không có vỉa hè.

- Các đường giao thông khu vực ao nuôi:

+ Bờ ao sử dụng làm đường giao thông giữa các ao, rộng 3m.

+ Trục chính nối từ khu vực ao nuôi qua khu văn phòng ra cổng rộng 5m.

Hệ thống đường giao thông được bố trí liên tục thông suốt từ khu nhà làm việc đến các ao nuôi, ao thải để quản lý, bảo vệ và vận chuyển thủy sản khi thu hoạch

### c) Kết cấu:

- Đường chính và đường bao là đường giao thông nông thôn loại B, nền đường rộng 5 m, mặt đường rộng 3,5 m, mặt đường bê tông mác 250, dày 18 cm, dưới là lớp giấy dầu, nền là cấp phối đá dăm loại 1 dày 12 cm.

- Các đường còn lại đường giao thông loại C, nền đường rộng 3 m, mặt đường rộng 2 m. Để điều hòa nhiệt độ môi trường vào mùa nắng nóng hay mùa lạnh và thân thiện với môi trường chọn kết cấu mặt đường phụ như sau:

+ Những đường vuông góc với trục đường chính đường bê tông mác 200, dày 16 cm, dưới là lớp giấy dầu, nền là cấp phối đá dăm loại 1 dày 10 cm;

+ Những đường song song trục chính mặt đường cấp phối sỏi đồi.

- Mở các điểm tránh trên trục chính và trục đường bao;

- Mở các bán kính cong nối giữa các đường theo tiêu chuẩn giao thông;

- Đường đi giữa 02 khu bê tông như đường loại B;

- Cắm cọc tiêu cảnh báo theo quy định.

### 9.2.6. Ao xử lý

Hệ thống ao xử lý nằm ở dưới thấp, tiếp nhận toàn bộ nước thay ra từ các ao nuôi để xử lý. Diện tích từ 8.500 m<sup>2</sup>, gồm: Ao cách ly phòng trị bệnh diện tích 3.067 m<sup>2</sup>; ao lắng, diện tích 2.647 m<sup>2</sup> và ao xử lý, diện tích 2.786 m<sup>2</sup>.

9.2.7. Hàng rào cách ly, nhà bảo vệ, điện chiếu sáng khu ao nuôi và thảm cỏ, cây xanh

- Kết cấu hàng rào cách ly: chiều dài 1,5 km. Kết cấu khung cột, đà, móng bê tông cốt thép, trụ rào cách nhau 3 m, căng lưới B40 cao 2 m.

- Khi san nền tập trung và vận chuyển đá tảng, đá lán tập trung về bãi thải bố trí tại khu vực cuối cùng - khu vực trũng thấp của Trung tâm giống (Sau khi tập kết đá về bãi thải cần đổ đất màu lên trên để tận dụng đất trồng cỏ và cây xanh). Cây ăn quả và thảm cỏ bố trí xen kẽ để điều hòa khí hậu, thân thiện môi trường.

### 9.3. Khu vực văn phòng

#### 9.3.1. Nhà làm việc

- Quy mô: Diện tích xây dựng 273,78 m<sup>2</sup>. Gồm 05 phòng làm việc, 01 phòng họp, vệ sinh.

+ 03 phòng làm việc của phòng Ban giám đốc.

+ 02 phòng làm việc dự kiến mỗi phòng có diện tích 37,1 m<sup>2</sup>.

+ 01 Phòng họp có diện tích 44,0 m<sup>2</sup>.

- Kết cấu: Nhà 1 tầng cấp 4, kết cấu; Khung cột, đà, móng bê tông cốt thép; tường xây gạch ống 8x8x19 cm, dày 20 cm, mác vữa xi măng 50#, sơn 01 nước trắng và 02 nước màu vàng kem; Mái lợp tôn màu sóng vuông, xà gỗ mái thép hình



C50x100x20x2; Trần thạch cao. Sênô bê tông cốt thép; Cửa gỗ, cửa sổ có khung sắt hoa bảo vệ; nền lát gạch Ceramic chống trượt 400x400 loại 1.

- Nội thất gồm: Đèn, quạt trần, quạt treo tường, bàn ghế làm việc, máy lạnh...

#### 9.3.2. Phòng tập huấn và trưng bày sản phẩm

- Quy mô: Diện tích xây dựng 128,7 m<sup>2</sup>, phòng tập huấn đầy đủ bàn ghế riêng, một ngăn trưng bày riêng.

- Kết cấu: Nhà 1 tầng cấp 4, kết cấu: Khung cột, đà, móng bê tông cốt thép; tường xây gạch ống 8x8x19 cm, dày 20 cm, mác vữa xi măng mác 50#, sơn 01 nước trắng + 02 nước màu vàng kem; Mái lợp tôn màu sóng vuông, xà gồ mái thép hình C50x100x20x2; Trần thạch cao; Sênô bê tông cốt thép; Cửa khung sắt kính có hoa sắt bảo vệ; nền lát gạch Ceramic chống trượt 400x400 loại 1;

- Nội thất gồm, đèn, quạt trần, quạt treo tường, bàn ghế, bảng cho học viên, máy chiếu và màn chiếu, amply, máy ảnh, tủ trưng bày sản phẩm...

#### 9.3.3. Nhà khách nông dân

- Quy mô: Diện tích xây dựng 252,7 m<sup>2</sup>, 06 phòng, mỗi phòng 23,56 m<sup>2</sup>, Wc khép kín và 01 phòng kho để vật dụng 28,5 m<sup>2</sup>. Các phòng ở có nội thất gồm giường, tivi, quạt trần...

- Kết cấu: Nhà 1 tầng cấp 4, kết cấu: Khung cột, đà, móng bê tông cốt thép; Tường xây gạch ống 8x8x19cm, dày 20 cm, mác vữa xi măng mác 50#, sơn 01 nước trắng + 02 nước màu vàng kem; Mái lợp tôn màu sóng vuông, xà gồ mái thép hình C50x100x20x2; Trần thạch cao; Sênô bê tông cốt thép; Cửa khung sắt kính có hoa sắt bảo vệ; Nền lát gạch Ceramic chống trượt 400x400 loại 1;

- Nội thất có 12 giường một 2 tầng, tủ, bàn, ghế, quạt trần, tivi, máy lạnh....

#### 9.3.4. Nhà khách để xe

- Diện tích xây dựng 56,16 m<sup>2</sup>;

- Kết cấu: Nhà cấp 4, kết cấu: Móng xây đá chẻ; cột đỡ bằng sắt hộp; mái lợp tôn kẽm dày 0,42 ly, tạo độ dốc 15%, xà gồ sắt hộp 40x40x2, a = 620 mm, vì kèo sắt hộp 50x50x2; nền gồm lớp mặt là bê tông đá 1x2 M200, dày 10 cm, nền bê tông đá 4x6 M100 dày 20 cm.

#### 9.3.5. Nhà bảo vệ

- Diện tích xây dựng 16 m<sup>2</sup>;

- Kết cấu: Nhà cấp 4, kết cấu: Khung cột, đà, móng bê tông cốt thép; Tường xây gạch ống 8x8x19cm, dày 20 cm, mác vữa xi măng mác 50#, sơn 01 nước trắng và 02 nước màu; mái lợp ngói 22v/1m<sup>2</sup>, độ dốc 40%; trần thạch cao; Nền lát gạch Ceramic chống trượt 400x400 loại 1.

#### 9.3.6. Cổng tường rào

- Trụ cổng bằng bê tông cốt thép mác 200, ốp gạch, cánh cổng làm bằng khung sắt chạy trên hệ thống ray.

- Kết cấu hàng rào mặt tiền: Khung, cột, giằng, móng bê tông cốt thép, móng tường xây đá hộc vữa xi măng mác 50#, cao khoảng từ 0,6-0,9m, song sắt thoáng cao khoảng từ 1,1 m đến 1,4 m.

#### 9.4. Phương án cấp, thoát nước sinh hoạt

##### 9.4.1. Cấp nước

a) Nguồn nước: Từ chương trình nước sạch nông thôn kết hợp với giếng khoan.

##### b) Cấp nước

- Mạng lưới cấp nước: Được thiết kế theo mạng vòng, đảm bảo cấp nước liên tục, đường ống được đi ngầm. Độ sâu đặt ống trung bình 0,6m (tính đến đỉnh ống, tại các góc chuyển vị trí đặt van, tê, cút có bố trí gô đỡ bê tông cốt thép).

- Vật liệu đường ống: Ống HDPE.

- Tại các nút của mạng bố trí van khoa để có thể sửa chữa từng đoạn ống khi cần thiết.

##### 9.4.2. Hệ thống thoát nước

- Thoát nước mưa (nước mặt và nước thải sinh hoạt không cần xử lý): Bằng hệ thống cống hở bố trí theo đường giao thông nội bộ và thoát vào mương thoát của khu vực ao nuôi thoát trực tiếp ra biển không thu về ao xử lý thải.

- Thoát nước thải sinh hoạt cần xử lý: Tập trung về bể tự hoại sau khi xử lý mới thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

#### 9.5. Phương án cấp điện

##### a) Nhiệm vụ thiết kế:

Thiết kế hệ thống cấp điện hạ áp 22KV/0,4-250KVA, bao gồm:

- Đường dây cung cấp điện hạ áp đến các hạng mục công trình trong dự án.

- Hệ thống cấp điện chiếu sáng bảo vệ toàn dự án khi vận hành.

##### b) Phương án thiết kế:

- Nguồn cấp điện: Từ trạm biến áp 22/0,4 KV khu vực, lắp đặt ngoài trời.

- Lưới điện hạ áp: 0,4 KV.

- Kết cấu lưới điện hạ thế theo mạng hình tia với nguồn cấp từ tủ tổng (đặt tại khu vực trạm biến áp) đến tủ cấp bên trong khu dự án. Tại tủ điện tổng có lắp đặt các thiết bị đo đếm, bảo vệ an toàn, đảm bảo hệ thống vận hành an toàn, thuận tiện cho bảo dưỡng, sửa chữa.

**10. Loại, cấp công trình:** Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV.

**11. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:** Trung tâm giống thủy sản được UBND tỉnh Đắk Nông giao đất, nên không phải bồi thường giải phóng mặt bằng.

**12. Tổng mức đầu tư của dự án:** 68.562.788.000 đồng.

(Bảng chữ: Sáu mươi tám tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Trong đó:

Các chi phí thành phần	Tổng chi phí (đồng)	Vốn ADB (đồng)	Vốn đối ứng (đồng)
- Chi phí xây dựng	50.013.259.000	50.013.259.000	
- Chi phí thiết bị	541.480.000	541.480.000	
- Chi phí Quản lý dự án	1.159.035.000	1.159.035.000	
- Chi phí Tư vấn ĐTXD	4.951.571.000		4.951.571.000
- Chi phí khác	2.954.471.000	1.844.170.000	1.110.301.000
- Chi phí dự phòng	8.942.972.000	8.033.692.000	909.280.000
<b>Cộng</b>	<b>68.562.788.000</b>	<b>61.591.636.000</b>	<b>6.971.152.000</b>

**13. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn vay ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và vốn đối ứng.

**14. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp điều hành dự án.

**15. Thời gian thực hiện dự án:** Theo kế hoạch được giao.

**19. Các nội dung khác:**

- Để phát huy hiệu quả, đảm bảo chất lượng công trình khi triển khai xây dựng, yêu cầu Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan nghiên cứu chấp hành Chỉ thị số 03/CT-UBND, ngày 27/02/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Chủ đầu tư tiếp tục rà soát và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về hiệu quả dự án; yêu cầu Chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát chọn lựa hạng mục theo thứ tự ưu tiên để đầu tư, đảm bảo không vượt số vốn được giao.

- Việc sử dụng chi phí dự phòng của dự án chủ đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về đề nghị phê duyệt tại Tờ trình số 42/TTr-SNN, ngày 05/3/2018 và Kết quả thẩm định tại Thông báo số 375/SNN-CCTL, ngày 05/3/2018, nội dung cam kết tại Công văn số 476/SNN-PPMU, ngày 16/03/2018.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về việc đề nghị phê duyệt tại Công văn số 464/SKH-KTN, ngày 21/3/2018.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ đầu tư):

1. Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, quản lý đầu tư và xây dựng đúng theo các quy định hiện hành trước thời điểm đóng khoản vay theo Hiệp định được ký kết.

2. Có trách nhiệm làm việc với Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi và bổ sung đủ vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) từ nguồn vốn kết dư của Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên, đảm bảo thực hiện Tiểu dự án mang lại hiệu quả đầu tư theo tiêu chí được lựa chọn. Trường hợp không xử lý được vốn theo cam kết thì chủ động đề xuất cho UBND tỉnh cắt, giảm một số hạng mục công trình hạ tầng phụ trợ chưa thực sự cần thiết, cấp bách để đảm bảo phù hợp với nguồn vốn đã được bố trí theo chủ trương đầu tư ban đầu.

3. Chịu trách nhiệm đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng và cơ chế vận hành, quản lý dự án đảm bảo đạt mục tiêu và hiệu quả của dự án.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông, Chủ tịch UBND huyện Đắk Mil và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./s

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMTTQVN (phối hợp giám sát);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Công TTĐT, CNXD.

04



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Xuân Hải**